TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH PHÚ THỌ** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** ----------
Số: 91/QĐST- HNGĐ	*T, ngày 13 tháng 12 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 69/2023/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ng- sinh năm1971

Nơi cư trú: Khu H, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Ch- sinh năm 1967

Nơi cư trú: Khu H, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn Ch2- sinh năm 1964

Nơi cư trú: Khu H, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Văn C- sinh năm 1993

Nơi công tác: Phân trại số 1, Trại giam TL (Địa chỉ: Khu 9, xã V, huyện H1, tỉnh Phú Thọ).

+ Anh Nguyễn Văn Ch1- sinh năm 1995

Nơi cư trú: Ấp S, phường P, thị xã P1, tỉnh B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về nội dung tranh chấp:

Ông Nguyễn Hữu Ch và bà Nguyễn Thị Ng kết hôn với nhau năm 1992, được Toà án nhân dân huyện T giải quyết ly hôn tại Bản án số 07, ngày 29/3/2022. Khi ly hôn, hai người không yêu cầu Toà án phân chia tài sản chung, mà muốn tự phân chia, nhưng sau đó không thống nhất được. Vì vậy bà Ng có đơn khởi kiện vụ án tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn. Tài sản chung được xác định gồm: Nhà, bếp, công trình phụ (đã được định giá), được xây dựng trên đất của ông

Nguyễn Văn Ch2. Ngoài ra có một số đồ dùng sinh hoạt giá trị không lớn, hai bên không yêu cầu xem xét, định giá, mà thống nhất tự chia. Tài sản trên có công sức đóng góp của hai con chung của bà Ng, ông Ch là anh Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Văn Ch1.

Các đương sự thoả thuận như sau: Bà Nguyễn Thị Ng được sở hữu tài sản chung của bà Ng và ông Nguyễn Hữu Ch gồm có: 01 nhà xây cấp 4, diện tích 96m2, mái lợp tôn; 01 bếp xây và công trình phụ khép kín, diện tích 38,7m2, mái lợp phi bloximăng; 01 sân lát gạch và láng xi diện tích 117m2, mái sân lợp tôn diện tích 82,4m2, có tổng trị giá là 423.264.000 đồng (Bốn trăm hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn đồng), được xây dựng trên thửa đất của ông Nguyễn Văn Ch2 (Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 15 tại khu H, xã M, huyện T, diện tích là 870,5 m2). Ông Ch2 đồng ý cho bà Ng được sử dụng thửa đất trên. Bà Ng có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Hữu Ch 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) chênh lệch tài sản, thanh toán cho anh Nguyễn Văn Ch1 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) công sức đóng góp. Bà Ng, ông Ch không phải thanh toán công sức đóng góp cho anh Nguyễn Văn C do anh C không yêu cầu.

Các đồ dùng sinh hoạt hai bên sẽ tự chia, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Ng tự nguyện chịu toàn bộ 4.780.000 đồng (Đã nộp và chi phí xong).

* Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu Ch phải nộp 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Văn Ch1 phải nộp 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Ng phải nộp 1.831.600 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi mốt nghìn sáu trăm đồng). Số tiền bà Ng phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), theo biên lai số: AA/2020/0003729, ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ; bà Ng được hoàn lại 8.168.400 đồng (Tám triệu một trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Hữu Ch, anh Nguyễn Văn Ch2 có đơn yêu cầu thì hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Ng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ; VP.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Minh Hòa